

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/KDTM-ST  
Ngày 08-6-2021  
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán  
xăng dầu (vi phạm điều khoản  
thanh toán)

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thị Nguyệt.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Nhật Chiến

Bà Đặng Thị Lan Anh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Ngọc Dung, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Hoàng Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 04/2021/TLST-KDTM ngày 01 tháng 02 năm 2021 về việc Tranh chấp Hợp đồng mua bán xăng dầu (vi phạm điều khoản thanh toán) theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST-KDTM ngày 29 tháng 4 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2021/QĐST-KDTM ngày 21 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH thương mại X; địa chỉ trụ sở: Lô 5, N16, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện theo pháp luật: Bà Lương Thị M - Giám đốc. Có mặt.

- Bị đơn: Công ty cổ phần xây dựng L; địa chỉ: Số 72 đường L, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hồng L, Giám đốc; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/12/2020, bản tự khai và tại phiên tòa người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn trình bày:

Ngày 01/01/2017 Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại X và Công ty cổ phần xây dựng L đã ký với nhau Hợp đồng Mua bán xăng dầu số 56/HĐMB. Theo nội dung hợp đồng, hai bên đã thỏa thuận với nhau về số lượng, chất lượng hàng hóa, giao nhận hàng hóa, giá bán và phương thức thanh toán, trách nhiệm và quyền hạn của các bên và cam kết chung.

Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại X đã thực hiện đúng hợp đồng đã ký nhưng phía Công ty cổ phần xây dựng L đã thực hiện không đúng các nội dung như đã cam kết trong hợp đồng, không trả tiền hàng tháng, cụ thể: Ngày 13/12/2018 Công ty TNHH thương mại X đã đối chiếu công nợ với Công ty cổ phần xây dựng L, công ty này đã nợ Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại X số tiền là 473.338.017 đồng (bốn trăm bảy mươi ba triệu ba trăm ba mươi tám nghìn không trăm mười bảy đồng), ông Nguyễn Hồng L, giám đốc Công ty cổ phần xây dựng L đã công nhận số nợ này tại biên bản xác nhận công nợ ký ngày 13/12/2018.

Do không có tiền trả nợ nên Công ty cổ phần xây dựng L đã chuyển cho Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại X thu tiền bán gạch hộ Công ty cổ phần xây dựng L để bù trừ công nợ tổng số tiền là 236.953.817 đồng (hai trăm ba mươi sáu triệu chín trăm năm mươi ba nghìn tám trăm mười bảy đồng), Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại X đã bù trừ công nợ cho Công ty cổ phần xây dựng L thể hiện bằng phiếu thu 023/04 ngày 16/04/2019. Sau khi đối trừ tiền gạch, Công ty cổ phần xây dựng L còn nợ Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại X số tiền 236.384.200 đồng (hai trăm ba mươi sáu triệu ba trăm tám mươi tư nghìn hai trăm đồng), hai Công ty có lập giấy xác nhận nợ. Tại giấy xác nhận nợ, Công ty cổ phần xây dựng L đã cam kết có trách nhiệm thanh toán hết số tiền này cho Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại X trước ngày 15/05/2019.

Sau khi xác nhận nợ Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại X không thấy Công ty cổ phần xây dựng L trả tiền, nên đã có 3 thông báo nợ liên tiếp các ngày:

Lần 1: Ngày 16/05/2019

Lần 2: Ngày 03/06/2019

Lần 3: Ngày 19/06/2019

Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại X không nhận ý kiến của Công ty cổ phần xây dựng L như đã cam kết là trả hết tiền cho Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại X trước ngày 15/05/2019 mà chỉ trả: 70.000.000 đồng vào ngân hàng BIDV trong 3 UNC vào các ngày sau:

+ Ngày 07/10/2019 trả số tiền là: 30.000.000 đồng

+ Ngày 14/11/2019 trả số tiền là: 20.000.000 đồng;

+ Ngày 03/01/2020 trả số tiền là: 20.000.000 đồng;

Đến ngày 24/12/2020 tổng số tiền Công ty cổ phần xây dựng L còn nợ Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại X số tiền là: 166.384.200 đồng (một trăm sáu mươi sáu triệu ba trăm tám mươi tư nghìn hai trăm đồng).

Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại X đã gọi điện và yêu cầu ký lại biên bản nhưng bên Công ty cổ phần xây dựng L không nghe điện thoại, Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại X có đòi tiền nhiều lần nhưng Công ty cổ phần xây dựng L không trả.

Vì vậy, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố L giải quyết: Buộc Công ty cổ phần xây dựng L trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại X số tiền là: 166.384.200 đồng (một trăm sáu mươi sáu triệu ba trăm tám mươi tư nghìn hai trăm đồng).

*Bị đơn Công ty cổ phần xây dựng L vắng mặt tại phiên tòa, quá trình giải quyết vụ án không hợp tác nên bị đơn không có bản khai, không có lời khai trong hồ sơ vụ án.*

Mặc dù không đến Tòa án, nhưng phía bị đơn Công ty cổ phần xây dựng L, người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Hồng L, làm Giám đốc ngày 16/4/2021 có công văn gửi đến Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại X xác nhận Công ty cổ phần xây dựng L còn nợ Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại X số tiền 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng) và xin trả dần vào từ ngày 25/4/2021 mỗi tháng 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết theo quy định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến, cụ thể như sau: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thành phần tham gia xét xử tại phiên tòa đúng với thành phần Hội đồng xét xử được ghi trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như xác định đúng thẩm quyền, đúng tư cách các đương sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định, bị đơn vắng mặt, Tòa án tiến hành thực hiện việc niêm yết hợp lệ, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định. Về yêu cầu khởi kiện, qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cùng tài liệu chứng cứ được công khai tại phiên tòa thấy: Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại X và Công ty cổ phần xây dựng L ký kết Hợp đồng mua bán xăng dầu Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại X đã thực hiện đúng hợp đồng giao số lượng hàng hóa giá bán cho Công ty cổ phần xây dựng L sau khi nhận hàng, thanh toán một phần và đối chiếu công nợ, bán gạch hộ, đến ngày 24 tháng 12 năm 2020 công ty cổ phần số 8 Lạng Sơn còn nợ Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại X số tiền 166.384.200 đồng (một trăm sáu mươi sáu triệu ba trăm tám mươi tư nghìn hai trăm đồng). Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại X nhiều lần đòi Công ty cổ phần xây dựng L không trả. Căn cứ biên bản xác nhận nợ ngày 08 tháng 4 năm 2019 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại X và Công ty cổ phần xây dựng L, theo thỏa thuận công ty

cổ phần xây dựng số 8 sẽ trả hết tiền cho Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại X trước ngày 15 tháng 5 năm 2019 tuy nhiên Công ty cổ phần xây dựng L mới trả được 70.000.000 đồng vào ngân hàng BIDV trong 3 UNC vào các ngày 07/10/2019 trả số tiền là: 30.000.000 đồng; ngày 14/11/2019 trả số tiền là: 20.000.000 đồng; ngày 03/01/2020 trả số tiền là: 20.000.000 đồng.

Công ty cổ phần xây dựng L còn nợ Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại X số tiền 166.384.200 đồng (một trăm sáu mươi sáu triệu ba trăm tám mươi tư nghìn hai trăm đồng) là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 50, Điều 306 và Điều 4 Luật thương mại 2005; Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH về án phí lệ phí Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty cổ phần xây dựng L phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn X số tiền còn nợ là 166.384.200 đồng (một trăm sáu mươi sáu triệu ba trăm tám mươi tư nghìn hai trăm đồng). Về án phí Công ty cổ phần xây dựng L phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại X và Công ty cổ phần xây dựng L ký kết với nhau về Hợp đồng mua bán hàng hóa xăng dầu giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh vì mục đích lợi nhuận, quan hệ tranh chấp là vụ án kinh doanh thương mại được quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại mục 3.3 Điều 3 của Hợp đồng mua bán xăng dầu số 56/HĐMB ngày 01/01/2017 các bên giao kết có thỏa thuận *...nếu sau 15 ngày mà bên B vẫn chưa trả hết nợ thì bên A có quyền trình hồ sơ ra Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn giải quyết theo quy định của pháp luật*". Mặc dù hai bên lựa chọn Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn để xét xử, giải quyết khi có tranh chấp tuy nhiên việc lựa chọn đó chưa phù hợp với cấp Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn tại Tòa án nhân dân thành phố L nơi bị đơn Công ty cổ phần xây dựng L có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần tại địa chỉ trụ sở chính tại số 72, đường L, phường V, thành phố L, công ty vẫn chưa thay đổi địa chỉ trụ sở so với đăng ký kinh doanh lần đầu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt, do đó Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[3] Qua xác minh nơi bị đơn Công ty cổ phần xây dựng L có địa chỉ trụ sở chính tại số 72, đường L, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, hiện tại Công ty

cổ phần xây dựng L không còn hoạt động tại địa chỉ trên. Nguyên đơn cung cấp địa chỉ văn phòng đại diện và nơi trú của người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty cổ phần xây dựng L, tiến hành xác minh tại Công an phường P, quận H, thành phố Hà Nội, kết quả xác minh người đại diện theo pháp luật Công ty cổ phần xây dựng L là ông Nguyễn Hồng L, làm Giám đốc không sinh sống và không có văn phòng đại diện Công ty cổ phần xây dựng L tại địa chỉ số 46, liên kè 12, khu đô thị X, H, Hà Nội. Xác minh tại Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Lạng Sơn, Công ty cổ phần xây dựng L vẫn đang trong trạng thái hoạt động, ngày 04/02/2021 Công ty cổ phần xây dựng L được Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Lạng Sơn xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, do đó có căn cứ Công ty cổ phần xây dựng L có tình giấu địa chỉ.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại X yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Công ty cổ phần xây dựng L phải thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại X số tiền còn nợ là 166.384.200 đồng (một trăm sáu mươi sáu triệu ba trăm tám mươi tư nghìn hai trăm đồng) theo Hợp đồng mua bán xăng dầu đã ký kết. Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn đưa ra, thấy rằng: Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại X và Công ty cổ phần xây dựng L ký kết với nhau về Hợp đồng mua bán hàng hóa xăng dầu. Quá trình thực hiện hợp đồng, sau khi ký kết hợp đồng Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại X đã thực hiện đúng theo nội dung thỏa thuận về hợp đồng giao đủ hàng hóa (xăng dầu) về số lượng, chất lượng hàng hóa và giá bán cho Công ty cổ phần xây dựng L. Công ty cổ phần xây dựng số 8 không có khiếu nại gì về chất lượng, số lượng và giá cả hàng hóa. Tuy nhiên, hai bên Công ty đã tiến hành đối chiếu công nợ vào ngày 13/12/2018, Công ty cổ phần xây dựng L nợ Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại X tổng số tiền là 473.338.017 đồng (bốn trăm bảy mươi ba triệu ba trăm ba mươi tám nghìn không trăm mười bảy đồng), do ông Nguyễn Hồng L, giám đốc Công ty cổ phần xây dựng L ký biên bản xác nhận công nợ. Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại X đã bán gạch hộ Công ty cổ phần xây dựng L được số tiền 236.953.817 đồng (hai trăm ba mươi sáu triệu chín trăm năm mươi ba nghìn tám trăm mười bảy đồng), thể hiện bằng phiếu thu 023/04 ngày 16/04/2019. Sau khi đối trừ tiền gạch, Công ty cổ phần xây dựng L còn nợ Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại X số tiền 236.384.200 đồng (hai trăm ba mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi nghìn hai trăm đồng). Giữa Công ty cổ phần xây dựng L và Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại X có lập giấy xác nhận nợ ngày 08/4/2019 và biên bản đối chiếu công nợ ngày 15/4/2019, tại biên bản đối chiếu công nợ thể hiện Công ty cổ phần xây dựng số 8 còn nợ Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại X số tiền 236.384.200 đồng (hai trăm ba mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi nghìn hai trăm đồng). Theo nội dung cam kết tại biên bản xác nhận nợ ngày 08 tháng 4 năm 2019, Công ty cổ phần xây dựng số 8 sẽ trả hết tiền cho Công ty trách nhiệm hữu hạn X trước ngày 15 tháng 5 năm 2019, tuy nhiên Công ty cổ phần xây dựng L mới trả được 70.000.000 đồng chuyển khoản qua ngân hàng BIDV trong 3 UNC, cụ thể: Ngày 07/10/2019 trả 30.000.000 đồng; ngày 14/11/2019 trả số tiền 20.000.000 đồng; ngày

03/01/2020 trả số tiền 20.000.000 đồng. Xác định, Công ty cổ phần xây dựng L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, tính đến ngày 24 tháng 12 năm 2020 Công ty cổ phần số 8 Lạng Sơn còn nợ Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại X số tiền 166.384.200 đồng (hai trăm ba mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi nghìn hai trăm đồng). Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc Công ty cổ phần xây dựng L phải có trách nhiệm trả nợ số tiền 166.384.200 đồng (hai trăm ba mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi nghìn hai trăm đồng) cho Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại X là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn Công ty cổ phần xây dựng L phải chịu án phí án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch của số tiền 166.384.200 đồng (hai trăm ba mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi nghìn hai trăm đồng) theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 50, Điều 306 và khoản Điều 4 Luật thương mại 2005;

Căn cứ vào các Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn X.

2. Buộc Công ty cổ phần xây dựng L phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn X số tiền còn nợ là 166.384.200 đồng (một trăm sáu mươi sáu triệu ba trăm tám mươi tư nghìn hai trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm trả thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Công ty cổ phần xây dựng L phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền là 8.319.210 đồng (tám triệu ba trăm mười chín nghìn hai trăm mười đồng).

Công ty trách nhiệm hữu hạn X không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn X số tiền 4.160.000 đồng (bốn triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng) đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002653 ngày 01/02/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn Công ty cổ phần xây dựng L vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lương Thị Nguyệt**